

TỔNG QUAN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2022

Kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2022 diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức khi xung đột quân sự giữa Nga và Ukraina kéo dài; lạm phát duy trì ở mức cao, nhất là ở châu Âu và Mỹ; xu hướng tăng lãi suất, thu hẹp chính sách tiền tệ, tài khóa ở nhiều quốc gia; thời tiết diễn biến bất thường ở nhiều châu lục... Trong năm, các tổ chức kinh tế thế giới liên tục đưa ra các dự báo giảm tăng trưởng kinh tế toàn cầu so với các dự báo đưa ra trước đó.

Trong nước, kinh tế vĩ mô tiếp tục duy trì ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo; chính sách tiền tệ, tài khóa được điều hành chủ động, linh hoạt và hiệu quả. Môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện tích cực, góp phần phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, tạo sự tin tưởng, ủng hộ của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp.

Với tỉnh Thái Nguyên, mặc dù dịch Covid-19 diễn biến phức tạp trong quý I, giá cả nhiều loại nguyên, nhiên, vật liệu đầu vào tăng cao; thị trường xuất khẩu bị thu hẹp do nhu cầu tiêu dùng giảm sút ở nhiều quốc gia trên thế giới... ảnh hưởng đến quá trình phục hồi và phát triển kinh tế của tỉnh. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, linh hoạt của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh, sự đồng lòng của các cấp, các ngành, các địa phương, sự đồng tình, ủng hộ của các tầng lớp nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp nên kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2022 đã đạt được nhiều kết quả rất tích cực. Cụ thể như sau:

I. KINH TẾ

1. Tăng trưởng kinh tế

Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) sơ bộ năm 2022 tăng 8,59% so với năm 2021, vượt kế hoạch (kế hoạch là tăng 8%). Chia ra, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,23%, đóng góp 0,41 điểm phần trăm

vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,75%, đóng góp 6,29 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 7,35%, đóng góp 1,89 điểm phần trăm. Kết quả này cho thấy các chính sách phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ nói chung và của tỉnh Thái Nguyên đã phát huy hiệu quả, hầu hết các ngành sản xuất kinh doanh đã lấy lại đà tăng trưởng.

Kết quả sản xuất của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2022 đã thể hiện vai trò trụ đỡ của nền kinh tế, đảm bảo nguồn cung lương thực, thực phẩm, hàng hoá thiết yếu, là cơ sở quan trọng để thực hiện an sinh xã hội. Sản lượng lương thực có hạt đạt 458,2 nghìn tấn, giảm 0,8% so với năm 2021; sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 212,2 nghìn tấn, tăng 7,2%; sản lượng gỗ khai thác đạt 252 nghìn m³, tăng 5%; sản lượng thủy sản đạt 17,3 nghìn tấn, tăng 9,3%.

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 10,53%, đóng góp 6,01 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Ngành sản xuất, phân phối điện tăng 4,49%, đóng góp 0,1% điểm phần trăm. Ngành cung cấp nước, quản lý rác thải, nước thải tăng 12,78%, đóng góp 0,07 điểm phần trăm. Ngành xây dựng tăng 6,17%, đóng góp 0,36 điểm phần trăm.

Cùng với sự phục hồi và phát triển chung của nền kinh tế, hoạt động thương mại, dịch vụ có sự phục hồi mạnh mẽ sau thời gian dài chịu ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19, đặc biệt là trong quý III. Một số ngành dịch vụ có mức tăng trưởng cao hơn tăng trưởng chung như: Hoạt động bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy tăng 9,12%, đóng góp 0,45 điểm phần trăm trong tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng 36,68%, đóng góp 0,13 điểm phần trăm; hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ tăng 23,44%, đóng góp 0,08 điểm phần trăm; hoạt động dịch vụ khác tăng 10,83%, đóng góp 0,02 điểm phần trăm.

Về cơ cấu kinh tế: Do công nghiệp duy trì được tốc độ phát triển khá nên cơ cấu kinh tế của tỉnh năm 2022 tiếp tục xu hướng chuyển dịch

theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng công nghiệp; giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp, thủy sản. Cơ cấu khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 58,51%; khu vực dịch vụ và thuế sản phẩm chiếm 31,35%; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 10,14%.

Về GRDP bình quân đầu người: Do tốc độ tăng trưởng GRDP luôn cao hơn tốc độ tăng dân số nên GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành có xu hướng tăng dần qua các năm. GRDP bình quân đầu người năm 2022 đạt 107 triệu đồng/người, tăng 12,5% so với năm 2021. Tính theo giá đô la Mỹ, GRDP bình quân đầu người năm 2022 đạt 4.541 USD/người, tăng 10,1% so với năm 2021.

Năng suất lao động: Năng suất lao động theo giá hiện hành năm 2022 đạt 237,2 triệu đồng/lao động (*ương đương 10.069 USD/lao động*).

2. Thu, chi ngân sách Nhà nước

Hoạt động sản xuất kinh doanh có sự phục hồi tích cực góp phần tăng thu ngân sách Nhà nước trong năm 2022. Chi ngân sách Nhà nước tập trung phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng và thực hiện nhiệm vụ chính trị của các cấp, ngành và địa phương trong tỉnh.

Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn năm 2022 đạt 19,1 nghìn tỷ đồng, vượt kế hoạch tỉnh giao và tăng 6,5% so với năm 2021. Trong đó, thu nội địa đạt 15,9 nghìn tỷ đồng, tăng 3,1%; thu hải quan 3,1 nghìn tỷ đồng, tăng 29,4% so với năm 2021.

Tổng chi ngân sách trên địa bàn năm 2022 đạt 24,2 nghìn tỷ đồng; trong đó, chi đầu tư phát triển đạt 8,5 nghìn tỷ đồng, tăng 41,7%; chi thường xuyên đạt 8,7 nghìn tỷ đồng, tăng 3% so với năm 2021.

3. Đầu tư

Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội: Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội năm 2022 (*theo giá hiện hành*) ước đạt trên 58 nghìn tỷ đồng, tăng 11,5% so với năm 2021, là mức tăng cao thứ hai trong vòng 5 năm trở lại đây (*chỉ sau năm 2020 tăng 15,9%*). Đây là kết quả tích cực trong việc huy động và sử dụng vốn đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài: Năm 2022, Thái Nguyên tiếp tục là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư nước ngoài, là một trong những tỉnh thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) lớn nhất cả nước nhờ những lợi thế sẵn có cùng sự cải cách mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, hạ tầng giao thông thuận lợi, hạ tầng khu công nghiệp được đầu tư bài bản.

Trong năm 2022, toàn tỉnh có 05 dự án FDI được cấp mới với số vốn đăng ký là 320 triệu USD, tổng số dự án FDI còn hiệu lực tại tỉnh là 173 dự án với tổng vốn đăng ký đạt trên 9 tỷ USD (*trương đương khoảng 209 nghìn tỷ đồng*). So với năm 2021, giảm 10 dự án nhưng vốn đăng ký tăng gấp 2,9 lần. Ngoài ra, trong năm còn cấp điều chỉnh tăng vốn cho 15 lượt dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký tăng thêm là 1.212,19 triệu USD.

4. Chỉ số giá

Năm 2022, giá nhiều loại hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn tỉnh nói riêng và cả nước nói chung có nhiều biến động, ảnh hưởng đến chỉ số giá tiêu dùng (CPI) như: Giá xăng, dầu liên tục được điều chỉnh theo biến động của giá xăng, dầu trên thế giới kéo theo biến động của nhiều loại hàng hóa, dịch vụ; điều chỉnh giá học phí các cấp học thuộc khối công lập theo Nghị quyết của HĐND tỉnh; biến động giá của nhiều mặt hàng theo mùa... Tuy nhiên, với sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự chủ động, linh hoạt của các cấp, các ngành chức năng trong việc đảm bảo nguồn cung hàng hóa, kiểm soát giá cả các mặt hàng tiêu dùng, đặc biệt là các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu nên chỉ số giá tiêu dùng của tỉnh Thái Nguyên được kiểm soát ở mức dưới 4% theo mục tiêu của Quốc hội đề ra, góp phần ổn định đời sống của người dân trên địa bàn tỉnh và phát triển kinh tế vượt mục tiêu kế hoạch.

* **CPI bình quân năm 2022** tăng 3,61% so với bình quân năm 2021. Trong 11 nhóm hàng hóa, dịch vụ tính chỉ số giá chỉ có nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,41% so với cùng kỳ; còn lại 10/11 nhóm hàng hóa, dịch vụ còn lại đều có chỉ số giá tăng so với cùng kỳ. Trong đó, tăng cao nhất là nhóm giáo dục, tăng 19,2%, đóng góp 0,81 điểm phần trăm vào tăng CPI chung (*do học phí tăng*); tiếp đến là nhóm giao thông tăng

10,13%, đóng góp 1,06 điểm phần trăm vào mức tăng CPI chung (*do giá xăng, dầu trong nước tăng theo biến động của giá thế giới*); nhóm dịch vụ giao thông công cộng tăng 15,56% (*do giá nhiên liệu đầu vào tăng khiến các doanh nghiệp vận tải điều chỉnh tăng giá cước vận chuyển*); nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 3,43%; nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,19%; nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 2,45%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,36%; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 1,34%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,23%.

* **Chỉ số giá vàng:** Bình quân năm 2022, chỉ số giá vàng tăng 1,84% so với bình quân năm 2021.

* **Chỉ số giá đô la Mỹ:** Bình quân năm 2022, chỉ số giá đô la Mỹ tăng 2,24% so với bình quân năm 2021.

5. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp

Theo kết quả điều tra doanh nghiệp năm 2022, tính đến thời điểm 01/01/2022, trên địa bàn tỉnh hiện có 4.606 doanh nghiệp, hợp tác xã đang hoạt động, tăng 14,3% so với cùng thời điểm năm trước (tương đương với tăng 529 doanh nghiệp và 46 hợp tác xã). Trong đó, doanh nghiệp ngoài Nhà nước đạt 4,46 nghìn doanh nghiệp (chiếm 96,9% tổng số doanh nghiệp), tăng 14,4%; doanh nghiệp FDI có 122 doanh nghiệp và tăng 10,9%.

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp, hợp tác xã tại thời điểm 01/01/2022 là 197,8 nghìn người, tăng 4,4% so với cùng thời điểm năm trước. Chia ra, lao động thuộc doanh nghiệp Nhà nước là 11,34 nghìn người, tăng 0,4%; lao động thuộc doanh nghiệp ngoài Nhà nước là 89,68 nghìn người, tăng 11,2% và lao động thuộc doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là 96,77 nghìn người, giảm 0,7%. Bình quân có 20 lao động làm việc trong 1 doanh nghiệp ngoài Nhà nước và 793 lao động làm việc trong 1 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Vốn hoạt động của các doanh nghiệp, hợp tác xã tính đến thời điểm 01/01/2022 đạt 624 nghìn tỷ đồng, tăng 9,9% so cùng thời điểm năm

trước. Trong đó, khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước đạt 194,7 nghìn tỷ đồng (*chiếm 31,2% tổng vốn*), tăng 19,5% so cùng thời điểm năm trước và bình quân vốn hoạt động đạt 43,6 tỷ đồng/doanh nghiệp, hợp tác xã (*trong đó, 11,6 tỷ đồng/hợp tác xã*); khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 407,2 nghìn tỷ đồng (*chiếm 65,2%*), tăng 6,1% và bình quân vốn hoạt động đạt 3.337,7 tỷ đồng/doanh nghiệp.

Bình quân 1 lao động của doanh nghiệp, hợp tác xã năm 2021 được trang bị tài sản dài hạn là 826,1 triệu đồng và thu nhập một tháng đạt 10.682 nghìn đồng. Chia ra, bình quân 1 lao động thuộc khu vực Nhà nước được trang bị tài sản dài hạn gần 1,3 tỷ đồng và thu nhập bình quân một tháng đạt 14.675 nghìn đồng; bình quân 1 lao động thuộc khu vực ngoài Nhà nước được trang bị 829,0 triệu đồng và thu nhập bình quân một tháng đạt 7.809 nghìn đồng; bình quân 1 lao động thuộc khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 773 triệu đồng và thu nhập bình quân một tháng đạt 12.749 nghìn đồng.

6. Kết quả hoạt động của một số ngành, lĩnh vực kinh tế

6.1. Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2022 mặc dù còn nhiều khó khăn như: thiên tai ảnh hưởng đến cây trồng, một số dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ tái bùng phát; giá các loại vật tư, phân bón, thức ăn chăn nuôi, vật tư thú y... tăng cao ảnh hưởng đến việc sản xuất, thu hoạch và tiêu thụ nông sản. Tuy nhiên, do chủ động xây dựng và áp dụng giải pháp khắc phục khó khăn kịp thời trong quá trình chỉ đạo và sản xuất của ngành chức năng và người nông dân; cộng với hình thành vùng sản xuất tập trung, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm; đẩy mạnh các chương trình quảng bá và xúc tiến tiêu thụ sản phẩm... nên sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản của tỉnh đã đạt nhiều kết quả tích cực, hoàn thành và vượt kế hoạch năm 2022.

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2022 (*theo giá so sánh năm 2010*) đạt 15,27 nghìn tỷ đồng, tăng 4,2% so với năm 2021.

Trong đó, ngành nông nghiệp đạt 14,08 nghìn tỷ đồng, tăng 4,02%; ngành lâm nghiệp đạt 649 tỷ đồng, tăng 6,8% và ngành thủy sản đạt 550,7 tỷ đồng, tăng 5,9%.

- *Nông nghiệp:*

Năm 2022, diện tích cây hàng năm đạt 111 nghìn ha, giảm 0,8%, diện tích cây lâu năm đạt 36,6 nghìn ha, giảm 0,2%. Mặc dù diện tích gieo trồng giảm nhưng do đẩy mạnh thâm canh, góp phần nâng cao năng suất thu hoạch nên giá trị sản phẩm trên 1 ha đất trồng trọt năm 2022 đạt 123,8 triệu đồng, tăng 5,1% (+6 triệu đồng) so với năm 2021.

Tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2022 đạt 458,2 nghìn tấn, giảm 0,8% so với năm 2021; trong đó, sản lượng lúa là 383,2 nghìn tấn, giảm 0,4% (*sản lượng lúa đông xuân đạt 166,7 nghìn tấn, giảm 0,5 nghìn tấn; sản lượng lúa mùa đạt 216,6 nghìn tấn, giảm 0,8 nghìn tấn*); sản lượng ngô đạt 75 nghìn tấn, giảm 2,92%. Năng suất lúa năm 2022 đạt 56,15 tạ/ha, tăng 0,28 tạ/ha so với năng suất lúa năm 2021. Diện tích gieo trồng lúa năm 2022 tiếp tục xu hướng giảm, đạt 68,26 nghìn ha, giảm 0,59 nghìn ha so với năm 2021 (*diện tích lúa đông xuân giảm 0,1 nghìn ha; diện tích lúa mùa đạt 38,96 nghìn ha, giảm 0,49 ha*).

Tổng diện tích chè hiện có năm 2022 đạt 22,2 nghìn ha, giảm 0,9% so với năm 2021; trong đó, diện tích chè đã cho thu hoạch đạt 20,9 nghìn ha, tăng 1,6%; năng suất chè bình quân đạt 124,9 tạ/ha, tăng 3 tạ/ha, sản lượng chè búp tươi đạt 260,9 nghìn tấn, tăng 4% (+10,1 nghìn tấn) so với năm 2021.

Tổng đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh năm 2022 đạt 14,78 triệu con, tăng 1,9% so với năm 2021; trong đó, đàn gia súc đạt 590,95 nghìn con, giảm 8,4% (*do đàn lợn đạt 472,37 nghìn con, giảm 10,6%*); đàn gia cầm đạt 14,19 triệu con, tăng 2,4% (*trong đó, đàn gà đạt gần 13,3 triệu con, tăng 5,6%*). Sản lượng thịt hơi xuất chuồng năm 2022 đạt 212,23 nghìn tấn, tăng 7,2% so với năm 2021; trong đó, sản lượng thịt lợn hơi đạt 102,3 nghìn tấn, tăng 7,6%; sản lượng thịt gà hơi đạt 87,2 nghìn tấn, tăng 6,7%.

- *Lâm nghiệp:*

Công tác trồng rừng và khai thác lâm sản: Trong năm 2022, ngành chức năng tập trung chăm sóc rừng trồng, chỉ đạo các cơ sở sản xuất giống lâm nghiệp tích cực chuẩn bị cây giống và trồng rừng đảm bảo đúng quy định. Tổng diện tích trồng rừng tập trung trên địa bàn tỉnh năm 2022 đạt 4.163 ha (*bao gồm 134 ha rừng phòng hộ và 4.030 ha rừng sản xuất*) bằng 112,5% kế hoạch; sản lượng gỗ khai thác ước đạt 252 nghìn m³ gỗ rừng trồng, tăng 5%; sản lượng củi khai thác đạt 258 nghìn ster, giảm 1,9% so với năm 2021.

Công tác phòng, chống cháy rừng: Nhìn chung, công tác bảo vệ rừng tiếp tục được người dân sống xung quanh khu vực có rừng nâng cao ý thức cảnh giác, chấp hành tốt các quy định về phòng, chống cháy rừng. Trong năm 2022, trên địa bàn xảy ra 04 vụ cháy rừng với tổng diện tích rừng thiệt hại gần 1,14 ha; 02 vụ phá rừng tại huyện Đồng Hỷ gây thiệt hại 1,65 ha. Bên cạnh đó, đã phát hiện và xử lý 97 vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp, tịch thu 107,1 m³ gỗ quy tròn các loại và thu nộp ngân sách Nhà nước hơn 640,3 triệu đồng.

- *Thủy sản:*

Sản xuất thủy sản trên địa bàn tỉnh năm 2022 đã có nhiều chuyển biến tích cực, nhiều diện tích đã được chuyển sang nuôi thâm canh và bán thâm canh với các đối tượng nuôi có giá trị kinh tế cao, hình thành một số vùng nuôi trồng thủy sản tập trung theo mô hình tổ hợp tác, hợp tác xã tại huyện Phú Bình, huyện Đại Từ, huyện Định Hóa...

Sản lượng thủy sản trên địa bàn tỉnh ước đạt 17,3 nghìn tấn, tăng 9,3% so với năm 2021; trong đó, sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 17 nghìn tấn, tăng 9,6% so với năm 2021.

6.2. Công nghiệp

Năm 2022, mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức do tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng, giá nguyên, nhiên, vật liệu đầu vào tăng cao, thị trường tiêu thụ bị thu hẹp... nhưng với sự nỗ lực của UBND tỉnh, các sở, ngành, địa phương, đặc biệt là sự sáng tạo, linh hoạt, chủ động của doanh

nghiệp, sản xuất công nghiệp của tỉnh đạt được mức tăng trưởng cao, vượt kế hoạch đã đề ra, tiếp tục đóng vai trò “trụ cột”, là động lực dẫn dắt tăng trưởng kinh tế của tỉnh năm 2022.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp năm 2022 tăng 10,81% so với cùng kỳ. Cụ thể: Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 11,23% so với cùng kỳ; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng 5,23%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 9,78%; ngành khai khoáng giảm 17,43%. Một số ngành công nghiệp chế biến có chỉ số sản xuất năm 2022 đạt cao hơn năm trước như: Dệt tăng 55,91%, sản xuất trang phục tăng 23,27%, chế biến gỗ tăng 177,73%, sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 52,06%; in, sao chép bản ghi các loại tăng 34,44%...

Một số sản phẩm chủ yếu năm 2022 có sản lượng sản xuất đạt cao hơn cùng kỳ như: Sản phẩm may 100,45 triệu sản phẩm, tăng 23,2%; nước máy thương phẩm 33,9 triệu m³, tăng 10,7%; điện thoại thông minh 102,8 triệu sản phẩm, tăng 4,7%; than sạch khai thác 1,45 triệu tấn, tăng 3,2%; xi măng các loại 2,9 triệu tấn, tăng 1,3%; vonfram và sản phẩm từ vonfram 18,9 nghìn tấn, tăng 7,3%; gạch xây dựng bằng đất sét 177,5 triệu viên, tăng 0,6%... Một số nhóm sản phẩm có sản lượng sản xuất năm 2022 đạt thấp hơn năm trước như: Máy tính bảng 8,4 triệu sản phẩm, giảm 12,8%; thép cán kéo các loại 1,46 triệu tấn, giảm 2,2%...

6.3. Thương mại và dịch vụ

- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Hoạt động thương mại, dịch vụ trong những tháng cuối năm 2022 có sự hồi phục mạnh mẽ sau thời gian bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2022 trên địa bàn tỉnh đạt 56,2 nghìn tỷ đồng, tăng 26,2% so với năm 2021; trong đó, doanh thu bán lẻ đạt 41,8 nghìn tỷ đồng, tăng 18,8%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 7 nghìn tỷ đồng, gấp gần 1,9 lần cùng kỳ; doanh thu dịch vụ khác 7,1 nghìn tỷ đồng, tăng 27,7%; doanh thu du lịch đạt 171 triệu đồng, gấp 5,7 lần cùng kỳ.

Năm 2022, toàn tỉnh có 140 chợ (*bao gồm 4 chợ hạng I, 10 chợ hạng II và 126 chợ hạng III*); 08 trung tâm thương mại; trong đó, có 04 trung tâm thương mại đã đi vào hoạt động với tổng diện tích kinh doanh trên 107,5 nghìn m²; 17 siêu thị và hệ thống cửa hàng tiện ích, trong đó có các cửa hàng tiện ích thương hiệu lớn như Vinmart, Vinmart⁺, đã đóng góp tích cực, hiệu quả cho phát triển thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

- Du lịch:

Năm 2022, hoạt động du lịch hồi phục mạnh mẽ sau thời gian chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19; số lượt khách do các cơ sở lưu trú phục vụ đạt 1,32 triệu lượt người, tăng 50% so với năm 2021; số lượt khách do các cơ sở lữ hành phục vụ đạt 7,2 nghìn lượt người, tăng 53,2% so với năm 2021.

- Xuất, nhập khẩu hàng hoá:

Tổng giá trị xuất, nhập khẩu hàng hoá trên địa bàn tỉnh năm 2022 đạt 29,9 tỷ USD, tăng 2,7% so với năm 2021; trong đó, xuất khẩu địa phương đạt 699,3 triệu USD, tăng 18,2%; xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 29,2 tỷ USD, tăng 2,4% so với năm 2021.

Về cơ cấu hàng hoá xuất khẩu, chiếm tỷ trọng lớn nhất là nhóm hàng điện thoại các loại và linh kiện điện thoại, đạt 28 tỷ USD (*chiếm 93,7%*), tăng 2,1% so với cùng kỳ; nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản 1,4 tỷ USD (*chiếm 4,6%*), tăng 13,2%; hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp 498 triệu USD, tăng 8,9%; hàng nông sản 2,3 triệu USD, tăng 14,5% so với năm 2021.

Tổng giá trị nhập khẩu hàng hoá trên địa bàn tỉnh năm 2022 đạt 18,3 tỷ USD, tăng 2,9% so với năm 2021; trong đó, các doanh nghiệp địa phương nhập khẩu 436,3 triệu USD, tăng 42,4%; các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhập khẩu 17,8 tỷ USD, tăng 4,9% so với năm 2021.

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu, chiếm tỷ trọng lớn nhất là nhóm máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng đạt 17,1 tỷ USD (*chiếm 93,8% tổng*

giá trị hàng hoá nhập khẩu trên địa bàn tỉnh); nhóm nguyên vật liệu 398 triệu USD (chiếm 2,2%), tăng 15,2%; hàng tiêu dùng 742,6 triệu USD, tăng 66,3% so với năm 2021.

- *Vận tải:*

Năm 2022, Chính phủ đã có một số chính sách hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh cho các loại hình doanh nghiệp nói chung, doanh nghiệp vận tải nói riêng, nhất là việc điều chỉnh giảm giá xăng dầu đã góp phần giúp các doanh nghiệp giảm bớt áp lực về chi phí sản xuất kinh doanh. Nhờ đó, hoạt động kinh doanh vận tải, kho bãi tiếp tục đà phục hồi và phát triển.

Doanh thu vận tải trên địa bàn năm 2022 đạt 6.100,3 tỷ đồng, tăng 19,9% so với năm 2021; trong đó: vận tải hàng hóa đạt 4.496,7 tỷ đồng, tăng 17,1%; doanh thu vận tải hành khách đạt 1.000,3 tỷ đồng, tăng 28,7%; doanh thu hoạt động bốc xếp, kho bãi đạt 472,3 tỷ đồng, tăng 27,9% và doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 131 tỷ đồng, tăng 29,5% so cùng kỳ.

Vận tải hàng hoá: Khối lượng vận chuyển hàng hoá năm 2022 đạt 49,7 triệu tấn với khối lượng luân chuyển là 2.034,8 triệu tấn.km, tăng 10,1% về khối lượng vận chuyển và tăng 11,8% về khối lượng luân chuyển so với năm 2021.

Vận tải hành khách: Số lượt hành khách vận chuyển năm 2022 đạt 23,5 triệu lượt hành khách với số lượng luân chuyển là 1.083,7 triệu lượt hành khách.km, tăng 23,2% về số lượt vận chuyển hành khách và tăng 23,7% về số lượt hành khách luân chuyển so với năm 2021.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Dân số, lao động và việc làm

Dân số trung bình năm 2022 tỉnh Thái Nguyên là 1.336 nghìn người, tăng 0,97% so với năm 2021. Trong tổng dân số, dân số thành thị là 525,6 nghìn người (chiếm 39,3%), tăng 23,6% so với năm 2021 (do 05 xã trở thành phường khi Thành phố Phổ Yên được công nhận là thành phố);

dân số nông thôn là 810,4 nghìn người (*chiếm 60,7%*), giảm 9,7% so với năm 2021; dân số nam là 652,3 nghìn người (*chiếm 48,8%*) và dân số nữ là 683,7 nghìn người (*chiếm 51,2%*). Tỷ số giới tính của dân số năm 2022 là 95,4 nam/100 nữ (*cùng kỳ năm trước tỷ số này là 95,47*).

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên năm 2022 trên địa bàn tỉnh là gần 612 nghìn người. Xét theo cơ cấu lực lượng lao động, tỷ lệ lao động nam tham gia vào lực lượng lao động đạt 50,8%, cao hơn tỷ lệ 49,2% của lao động nữ. Mặc dù trong những năm qua, cơ cấu lực lượng lao động phân theo khu vực nông thôn, thành thị có sự thay đổi theo hướng tăng dần tỷ lệ lực lượng lao động ở khu vực thành thị nhưng nhìn chung, tỷ lệ lực lượng lao động chủ yếu tập trung ở khu vực nông thôn với tỷ trọng năm 2022 chiếm 66,5%.

Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong các ngành kinh tế năm 2022 đạt 602,6 nghìn người; trong đó, lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản là gần 102 nghìn người, chiếm 16,9% tổng số lao động đang làm việc; khu vực công nghiệp, xây dựng là 272,9 nghìn người, chiếm 45,3%; khu vực dịch vụ là 227,7 nghìn người, chiếm 37,8%.

Tỷ lệ có việc làm phi chính thức toàn tỉnh năm 2022 là 53,34%; trong đó, khu vực thành thị là 41,94% và khu vực nông thôn là 59,04%. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động năm 2022 là 1,47%, giảm 0,1 điểm phần trăm so với năm 2021; trong đó, khu vực thành thị là 2,12% và khu vực nông thôn là 1,17%. Tỷ lệ thiếu việc làm của lực lượng lao động trong độ tuổi là 4,07%; trong đó, khu vực thành thị là 3,04% và khu vực nông thôn là 4,55%.

2. Đời sống dân cư

Năm 2022, kinh tế của tỉnh phục hồi khá tích cực, góp phần ổn định đời sống của người dân. Công tác an sinh, xã hội, hỗ trợ người dân, người lao động và người sử dụng lao động tiếp tục được quan tâm thực hiện. Tổ chức thực hiện hiệu quả chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

Thu nhập bình quân của 01 lao động đang làm việc năm 2022 đạt 6,28 triệu đồng/người/tháng, tăng 13,4% so với năm 2021; thu nhập của lao động làm công, ăn lương đạt 6,76 triệu đồng/người/tháng, tăng 8,4% so với năm 2021. Tuy nhiên, thu nhập giữa các khu vực, các vùng, các nhóm vẫn có sự chênh lệch lớn. Thu nhập bình quân đầu người/tháng ở khu vực thành thị năm 2022 đạt 5,56 triệu đồng, gấp 1,41 lần khu vực nông thôn; thu nhập bình quân đầu người 01 tháng của 20% số hộ có thu nhập bình quân đầu người cao nhất đạt 9,74 triệu đồng, gấp 7,16 lần nhóm 20% số hộ có thu nhập bình quân đầu người thấp nhất (1,36 triệu đồng), điều này cho thấy vẫn còn sự chênh lệch thu nhập và phân hoá giàu nghèo trong dân cư.

Công tác xoá đói, giảm nghèo được quan tâm triển khai thực hiện có hiệu quả. Tỷ lệ hộ nghèo năm 2022 (*theo chuẩn nghèo đa chiều*) là 4,35%, tỷ lệ hộ cận nghèo là 3,64%.

Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ Nhân dân tiếp tục được quan tâm; từng bước nâng cao chất lượng cung ứng các dịch vụ y tế, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động y tế như: Kê đơn điện tử, liên thông dữ liệu giấy khám sức khoẻ lái xe...

3. Trật tự, an toàn xã hội

Trong năm 2022, trên địa bàn tỉnh xảy ra 136 vụ tai nạn giao thông, làm chết 39 người và bị thương 125 người; so với năm 2021, số vụ tai nạn giảm 16 vụ (-10,5%), số người chết giảm 12 người (-23,5%), số người bị thương giảm 02 người (-1,6%). Trong năm xảy ra 46 vụ cháy, không gây thiệt hại về người nhưng thiệt hại về tài sản ước tính khoảng trên 1,5 tỷ đồng.

Khái quát lại, trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị thế giới biến động khó lường, ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội không chỉ trong nước mà còn ở nhiều quốc gia trên thế giới, bức tranh kinh tế - xã hội của tỉnh trong năm 2022 vẫn có nhiều “gam màu sáng”, thể hiện kết quả tích cực trên nhiều lĩnh vực.

Kinh tế của tỉnh đạt mức tăng trưởng khá, thể hiện sự hồi phục của nền kinh tế nói chung sau 02 năm bị ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch

Covid-19. Lạm phát được kiểm soát ở mức phù hợp. Cung cầu hàng hoá thiết yếu được đảm bảo; cầu tiêu dùng và xuất khẩu hàng hoá tăng cao. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng vượt kế hoạch, đảm bảo nguồn cung lương thực, thực phẩm. Hoạt động sản xuất công nghiệp nói chung và công nghiệp chế biến, chế tạo nói riêng tiếp tục giữ vai trò là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong năm 2022. Hoạt động thương mại, dịch vụ sôi động trở lại, đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng. Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tiếp tục xu hướng tăng; giải ngân vốn đầu tư công đảm bảo tiến độ; nằm trong số những tỉnh có thu hút đầu tư nước ngoài lớn nhất cả nước. An sinh xã hội được quan tâm thực hiện; an ninh, quốc phòng, trật tự, an toàn xã hội ổn định.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, kinh tế - xã hội của tỉnh còn phải đối mặt với nhiều thách thức lớn, nhất là kinh tế của tỉnh có độ mở lớn nên sẽ chịu tác động đan xen nhiều mặt bởi tình hình kinh tế, chính trị thế giới phức tạp, khó lường: lạm phát tăng cao trên toàn cầu; giá cả nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất vẫn ở mức cao; giá cả hàng hóa thiết yếu có xu hướng tăng cao, đặc biệt là thời điểm cuối năm; nhu cầu của các thị trường xuất khẩu lớn giảm; dịch Covid-19 trong nước đã cơ bản được khống chế nhưng với các biến thể mới có thể còn diễn biến phức tạp trên thế giới... Do đó, để tạo đà cho phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 và các năm tiếp theo, đảm bảo đời sống của Nhân dân, cần sự tiếp tục chung sức, đồng lòng của các cấp chính quyền, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong tỉnh để tiếp tục triển khai có hiệu quả các nhóm giải pháp đã đề ra trong Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên gắn với thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ; tập trung thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội, hỗ trợ việc làm, phòng chống hiệu quả dịch Covid-19, tăng tốc phục hồi và phát triển kinh tế./.



TỐC ĐỘ TĂNG MỘT SỐ CHỈ TIÊU SO VỚI NĂM TRƯỚC (%)

GROWTH RATE OF SOME INDICATORS COMPARED TO THE PREVIOUS YEAR

www.cucthongkethainguyen.gso.gov.vn

➡ Năm 2021 ➡ Năm 2022

